

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 260/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ ĐỊNH**

SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG  
THUỘC NHÓM 71.13, 71.14 VÀ 71.15 TẠI BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU THEO DANH  
MỤC MẶT HÀNG CHỊU THUẾ BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ  
26/2023/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 5 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ BIỂU THUẾ  
XUẤT KHẨU, BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI, DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ  
MỨC THUẾ TUYỆT ĐỐI, THUẾ HỖN HỢP, THUẾ NHẬP KHẨU NGOÀI HẠN  
NGẠCH THUẾ QUAN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung  
bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số  
56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số  
90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2006/QH11 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập  
Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa  
Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi mức thuế suất xuất khẩu đối với một số mặt  
hang thuộc nhóm 71.13, 71.14 và 71.15 tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng  
chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023  
của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa  
và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

**Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất xuất khẩu đối với một số mặt hàng quy định tại  
Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm  
2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh  
mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn  
ngạch thuế quan**

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 71.13, 71.14 và 71.15 quy định tại Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan thành các mức thuế suất thuế xuất khẩu mới quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

## Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Noi nhậm:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, công bao;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**Hồ Đức Phớc**

## PHỤ LỤC

### SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 71.13, 71.14 VÀ 71.15 TẠI PHỤ LỤC I BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023/NĐ-CP

(Kèm theo Nghị định số 260/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
134	71.13	Đồ trang sức và các bộ phận của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý.	

		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
	7113.11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác:	
	7113.11.10	- - - Bộ phận	0
	7113.11.90	- - - Loại khác	0
	7113.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
	7113.19.10	- - - Bộ phận	0
	7113.19.90	- - - Loại khác	0
	7113.20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý:	
	7113.20.10	- - Bộ phận	0
	7113.20.90	- - Loại khác	0
135	71.14	<b>Đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.</b>	
		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
	7114.11.00	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác	0
	7114.19.00	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý	0
	7114.20.00	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý	0
136	71.15	<b>Các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.</b>	
	7115.10.00	- Vật xúc tác ở dạng tấm đan hoặc lưới, bằng bạch kim	0
	7115.90	- Loại khác:	
	7115.90.10	- - Bằng vàng hoặc bạc	0
	7115.90.20	- - Bằng kim loại dát phủ vàng hoặc bạc	0
	7115.90.90	- - Loại khác	0